

Số: 809 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 16 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới;  
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 25/TTr-SGTVT ngày 10/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải (có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 16/3/2020; Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trái với quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT, NC<sub>(T)</sub>.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

**A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới: 11 thủ tục**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (- Căn cứ pháp lý của thủ tục; - Căn cứ QĐ của Bộ....)
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>					
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới 1.010707.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
2	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.010708.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
3	Ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.010709.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021

4	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia 1.010710.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia 1.010711.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
6	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào 1.002861.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
7	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào 1.002859.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
8	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.002877.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021

9	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.002869.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc 1.001737.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
11	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia 1.001577.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 9 thủ tục**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (- Căn cứ pháp lý của thủ tục; - Căn cứ QĐ của Bộ....)
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>					
1	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia 1.002268.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
2	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào 1.002856.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021

3	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào 1.002852.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
4	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia 1.001023.000.00.00H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
5	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. 1.002063.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ Dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia. 1.002286.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. 1.002046.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp	Không	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021
8	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải. 2.001963.000.00.00.H50	- Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình từ 35kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Dịch vụ bưu chính	Không	- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện

		<p>trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc.</p>			<p>một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>
--	--	--	--	--	--

9	<p>Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải. 2.001915.000.00.00.H50</p>	<p>5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/ Dịch vụ bưu chính</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</li> <li>- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản</li> </ul>
---	--	--	---	-------------------------------------	--------------	---



						<p>lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>
--	--	--	--	--	--	---

Tổng cộng: 20 TTHC